

1. Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá lăng nha (*Mystus wyckioides*) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

3. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và người tham gia chính:

Chủ nhiệm nhiệm vụ: KS. Phùng Cẩm Hà và GVC. ThS Ngô Văn Ngọc

Cá nhân tham gia: Đỗ Thị Thu Thủy, Trần Thanh Thủy, Phạm Thị Kiều Diễm, Phạm Đức Bách

4. Mục tiêu của nhiệm vụ:

Xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo cá lăng nha trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xây dựng quy trình nuôi cá lăng nha thương phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất hầu mang lại lợi ích cho nông dân trong tỉnh

5. Kết quả thực hiện:

Về sản xuất giống:

- Mùa vụ sinh sản của cá từ tháng 5 đến tháng 11, tập trung từ tháng 6 đến tháng 10.

- Cá đực và cá cái có thể phân biệt được qua ngoại hình. Cá cái không có gai sinh dục mà có lỗ sinh dục tròn. Cá đực có gai sinh dục dài.

- Cá lăng nha là loài cá đẻ trứng dính, khi trứng chín đường kính trứng dao động từ 1,8 – 2mm và trứng có màu trắng sữa.

- Chất kích thích sinh sản sử dụng cho cá lăng sinh sản là HCG hoặc LH-RHa với liều tốt nhất là 5.000 UI HCG/kg cá cái và 90µg LH-RHa + 5mg DOM/kg cá cái.

- Cho cá lăng nha rất khó tự bắt cặp sinh sản. Ở hình thức gieo tinh nhân tạo bước đầu đạt kết quả tương đối tốt.

- Tỷ lệ thụ tinh: 10 – 73% ở NT I (sử dụng HCG) và 14,5 – 78% ở NT II (sử dụng LH-RHa).

- Tỷ lệ nở: 60 – 88% ở NT I (sử dụng HCG) và 77,5 – 92% ở NT II (sử dụng LH-RHa).

- Sức sinh sản thực tế của cá lăng nha trong điều kiện gieo tinh nhân tạo dao động từ 8.000 – 21.050 trứng/kg cá cái và phụ thuộc vào HSTT.

- Cá ương ở GD I thì NT I (8 con/L) có tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống là cao nhất so với hai NT còn lại (10 con/L và 12 con/L).

- Giai đoạn II, cá ương ở giai có tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với ương trong ao đất nhưng ương ở trong giai lại có tỷ lệ sống cao hơn nhiều so với ương trong ao đất,

với cùng loại thức ăn là trùn chỉ và thay thế dần bằng thức ăn viên.

Về nuôi thương phẩm:

- + Thức ăn nhân tạo sử dụng trong thí nghiệm (thức ăn viên) chưa thực sự phù hợp với tập tính ăn và dinh dưỡng của cá lăng nha.
- + Do thức ăn chưa thật sự phù hợp nên làm tốc độ tăng trưởng của cá lăng nha khá thấp ở cả 02 nghiệm thức nuôi trong bè và trong ao đất. Ở những tuần nuôi đầu tiên làm cá chết rất nhiều, ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của cá trong suốt quá trình nuôi.
- + Ở NT I, trọng lượng cá bình quân sau 60 tuần nuôi đạt 0,35 kg và chiều dài đạt 34,5cm; ở NT II, trọng lượng cá bình quân sau 40 tuần nuôi đạt 0,3kg và chiều dài đạt 32,2cm.
- + Tỷ lệ sống: NT I (Lô 1: 19,72%; Lô 2: 14,28%; Lô 3: 8,75%); ở NT II (Lô 1: 35%; Lô 2: 26,78%; Lô 3: 23,75%).
- + Ở thí nghiệm nuôi cá trong ao đất (NT I) hệ số tiêu tốn thức ăn là 4,96 và ở thí nghiệm nuôi cá trong bè (NT II) thì hệ số tiêu tốn thức ăn là 4,67.
- + Năng suất nuôi cá lăng nha thương phẩm trong ao đất đạt 3.280kg/ha và ở hình thức nuôi bè thì năng suất đạt được 5,87kg/m³ bè.

6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: từ tháng 10/2003 đến tháng 02/2005

7. Kinh phí thực hiện: 287.696.985 đồng